TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2026.
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bành Quốc Trung.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, về việc tranh chấp: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 289/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Trương Thị Thu Th, sinh năm 1973.
Căn cước công dân số 082173016421, cấp ngày 12/5/2022.
Địa chỉ: Khu phố S, phường S, tỉnh Đ
(nay là Khu phố T phường S, tỉnh Đ)

- ***Bị đơn:*** Huỳnh Công T, sinh năm 1969.
Chứng minh nhân dân số 310827694.
Địa chỉ: Khu phố Ô, phường S, tỉnh Đ

(Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trương Thị Thu Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn ly hôn và bản tự khai, bà Th trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 2013, bà Th sống chung với ông T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh T (nay là Phường S, tỉnh Đ). Do bất đồng quan điểm sống, bà Th ly thân ông T từ năm 2015. Nay bà Th yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Bà Th với ông T không có con chung; không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông Huỳnh Công T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.*

*** Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th. Cho bà Th ly hôn ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Bà Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T đã được tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đúng theo quy định pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của đương sự, xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2013, bà Th sống chung với ông T, có đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm sống, bà Th ly thân ông T từ năm 2015. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, ông T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa ông với bà Th. Bà Th yêu cầu ly hôn ông T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; nên chấp nhận.

- Về con chung: Bà Th với ông T không có con chung, không yêu cầu giải quyết; nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Thu Th.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Thu Th ly hôn ông Huỳnh Công T.

2. Về con chung: Bà Th với ông T không có con chung; nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004181 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên bà Th đã nộp xong án phí.

+ Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *VKSND khu vực 2;*
- *THADS tỉnh Đồng Tháp;*
- *UBND phường Sơn Qui;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

Lê Trung Hiếu